TAND HUYỆN TRIỆU SƠN **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2018/HNGĐ –ST
Ngày 06/03/2018
Về việc: "Tranh chấp
hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN – TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:*
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Hợp
Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Long và ông Nguyễn Văn Chung
Thư ký phiên tòa: Ông Lê Ngọc Thành, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 06/03/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Triệu Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự: "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*" thụ lý số 13/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/02/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T- Sinh năm: 1994
Trú tại: Thôn TL, xã TH, huyện T, tỉnh Thanh Hóa,
Bị đơn: Anh Vũ Trọng S - Sinh năm 1992
Trú tại: Thôn TS ,xã TH, huyện T, tỉnh Thanh Hóa,các đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*> Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày, chị và anh S kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 24/6/2013 tại UBND xã Thái Hòa, huyện Triệu Sơn, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng ba năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm,vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, trong tình cảm cũng như việc nuôi dạy con cái, mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân cuối năm 2017 đến nay, không ai quan tâm đến ai, nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh S.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung cháu Vũ Trọng N, sinh ngày 14/10/2014,vợ chồng ly hôn chị T xin trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng, tại phiên tòa chị T đề nghị anh S nuôi con và xin cấp dưỡng nuôi con mức 500.000đ một tháng.

Về tài sản và công nợ: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*> Tại bản tự khai và tại phiên tòa bị đơn anh S trình bày:

Về hôn nhân: Cơ sở kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn anh thống nhất như chị T trình bày, anh thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và đã sống ly thân lâu nay nhưng chưa đến mức trầm trọng, anh vẫn còn tình cảm với chị T, anh không đồng ý ly hôn, nếu chị T cương quyết ly hôn đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh S thống nhất vợ chồng có một con chung là đúng, nếu vợ chồng ly hôn, anh xin trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa anh S đồng ý nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con như ý kiến chị T.

Về tài sản và công nợ: Anh S thống nhất ý kiến chị T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị T và anh S kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 24/6/2013 tại UBND xã Thái Hòa, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa, nên là hôn nhân hợp pháp, vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm và chị T nghi ngờ anh S có quan hệ ngoại tình.

Quá trình hòa giải và tại phiên tòa anh S thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và đã sống ly thân lâu nay không ai quan tâm đến ai, nhưng cho rằng mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng, anh vẫn còn tình cảm với chị T và không đồng ý ly hôn nếu chị T cương quyết ly hôn đề nghị tòa giải quyết theo pháp luật, việc anh S xin đoàn tụ nhưng không có thiện chí, không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng, tại phiên tòa chị T vẫn thiết tha xin ly hôn, điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị T xin ly hôn anh S là có căn cứ, phù hợp tình trạng hôn nhân hiện nay của vợ chồng và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, xử cho chị T được ly hôn anh S.

[2] Về con chung: Vợ chồng có một con chung cháu Vũ Trọng N, sinh ngày 14/10/2014, quá trình hòa giải các đương sự đều có yêu cầu nuôi con, cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận anh S trực tiếp nuôi con, chị T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000đ, sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với thực tế vì hiện tại cháu N đang ở với anh S và phù hợp với quy định tại Điều 81,82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự về người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng con, anh Strực tiếp nuôi dưỡng con chung của vợ chồng cháu Vũ Trọng N, sinh ngày 14/10/2014, chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng anh S mỗi tháng 500.000đ, kể từ tháng 3/2018 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi, vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con, chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản và nợ: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xém xét.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Vũ Trọng S.

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, anh S trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Trọng N, sinh ngày 14/10/2014, chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng anh S mỗi tháng 500.000đ, kể từ tháng 3/2018 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết, chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Về tài sản, nợ: Các đương sự, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng án phí phải nộp là 600.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ,theo biên lai thu tiền số AA/2017/0001067 ngày 18/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn, chị T còn phải nộp tiếp 300.000đ.

Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Triệu Sơn;
- Chi cục THADS huyện Triệu Sơn;
- UBND xã Thái Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lê Đình Hợp